TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2017/DS-PT
Ngày 06 - 11 - 2017
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Thẩm phán: Ông Vũ Hồng Luyến;

Bà Vũ Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Tra – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2017/TLPT-DS ngày 05 tháng 4 năm 2017 về việc tranh chấp về thừa kế tài sản;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2017/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 195/2017/QĐ-PT ngày 16 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Ch; cư trú tại: Đường H, Tổ A, khu K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Ch (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 07 tháng 6 năm 2016): Ông Võ Tuấn N; địa chỉ: Tổ B, khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông Trương Tài P; cư trú tại: Đường H, Tổ A, khu K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trương Thị L; cư trú tại: Đường G, Tổ C, ấp L, xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị L (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 04 tháng 6 năm 2016): Bà Trương Thị Cẩm L; địa chỉ: Đường H, Tổ A, khu K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

2. Bà Trương Ngọc H; cư trú tại: Đường H, Hẻm A, Tổ D, khu K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

3. Bà Trương Thị Lan X; cư trú tại: Đường H, Tổ A, khu K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

4. Bà Trương Thị Ánh N; cư trú tại: Đường H, Tổ A, khu K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

5. Ông Trương Hữu T; cư trú tại: Đường H, Tổ A, khu K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

6. Bà Trương Thị Cẩm H; cư trú tại: Đường H, Tổ A, khu K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Ngọc H, bà Trương Thị Lan X, bà Trương Thị Ánh N, ông Trương Hữu T và bà Trương Thị Cẩm H (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 6 năm 2016): Bà Trương Thị Cẩm L; địa chỉ: Đường H, Tổ A, khu K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

7. Ông Trương Phước Thành T; cư trú tại: Tổ F, ấp A, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trương Phước Thành T (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 04 tháng 6 năm 2016): Bà Trương Thị Cẩm L; địa chỉ: Đường H, Tổ A, khu K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

8. Bà Trương Kim N; cư trú tại: Tổ A, Ấp B, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Kim N (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 06 tháng 6 năm 2016): Bà Trương Thị Cẩm L; địa chỉ:

Đường H, Tổ A, khu K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

9. Bà Trương Thị T; cư trú tại: Đường H, Hẻm G, Tổ D, khu K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị T (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 9 năm 2016): Bà Trương Thị Cẩm L; địa chỉ: Đường H, Tổ A, khu K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

10. Bà Trương Thị Cẩm L; cư trú tại: Đường H, Tổ A, khu K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

11. Ông Trương Hữu P; cư trú tại: Đường H, Tổ A, khu K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai; đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người kháng cáo:* Ông Trương Tài P - bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Phạm Thị Ch có yêu cầu khởi kiện như sau:

Bà Phạm Thị Ch và ông Trương Văn L là vợ chồng và có với nhau 12 người con chung bao gồm: Trương Thị L, sinh năm 195X; Trương Ngọc H, sinh năm 195X; Trương Kim N, sinh năm 196X; Trương Thị Cẩm H, sinh năm 197X; Trương Thị Lan X, sinh năm 196X; Trương Thị Ánh N, sinh năm 196X; Trương Hữu T, sinh năm 197X; Trương Phước Thành T, sinh năm 197X; Trương Thị T, sinh năm 196X; Trương Thị Cẩm L, sinh năm 197X; Trương Hữu P, sinh năm 196X và Trương Tài P, sinh năm 197X. Vào ngày 10/4/2014, ông Trương Văn L chết và không để lại di chúc.

Trong quá trình chung sống, từ năm 1975 vợ chồng ông L và bà Ch đã khai hoang được diện tích đất 9.168,4 m^2, gồm các thửa đất số: 122, 124, 126, 127, 128, 129, 130, 144, 145, 170, 171 và 177, thuộc tờ bản đồ số 14 và tờ bản đồ số 22, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất *(sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận)* số: O.848055 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 21/7/2002 cho ông Trương Văn L đứng tên.

Trước khi Trương Văn L chết, phần diện tích đất 9.168,4 m^2 nêu trên đã được tách thửa nhiều lần để tặng cho các con và chuyển nhượng cho người khác. Hiện nay, phần diện tích đất còn lại trên Giấy chứng nhận là 4.845 m^2. Năm 2009, vợ chồng bà Ch và ông L đã tặng cho hai con gái là Trương Thị Cẩm L và Trương Thị Cẩm H xây dựng nhà ở, tổng diện tích là 350 m^2 (diện tích này hiện

nay vẫn nằm trong tổng diện tích đất 4.845 m^2, do diện tích xây dựng nhà ở chưa đủ để tách thửa). Sau khi trừ các diện tích đã bán và cho các con, theo các Bản đồ hiện trạng thửa đất số: 10437, 10438 và 10439 cùng ngày 16/9/2016 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh L thì diện tích đất còn lại trên thực tế là 4.482,7m^2 và 01 căn nhà cấp 4 hiện nay bà Ch đang sinh sống. Bà Ch xác định đây là tài sản chung của vợ chồng giữa bà với ông L; nay ông L đã chết, không để lại di chúc, phần diện tích đất 2.241,3m^2 và một phần căn nhà cấp 4 là di sản thừa kế do ông L để lại.

Bà Phạm Thị Ch yêu cầu Tòa án chia tài sản thừa kế theo quy định của pháp luật; chia cho bà Ch 50% trên tổng diện tích đất 4.482,7m^2 là tài sản chung của vợ chồng; 50% diện tích đất còn lại là 2.241,3m^2 sẽ được chia thừa kế theo quy định của pháp luật thành 13 phần (trong đó 01 phần của bà Phạm Thị Ch và 12 phần còn lại cho 12 con). Bà Ch sẽ nhận toàn bộ tài sản và có trách nhiệm thanh toán lại giá trị cho các con theo giá trị của chứng thư thẩm định giá; bởi vì, nếu chia theo hiện vật sẽ không đủ diện tích để tách thửa theo quy định của pháp luật.

2. Bị đơn ông Trương Tài P trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà Phạm Thị Ch và ông Trương Văn L là cha mẹ của ông, ông L chết ngày 10/4/2014 không để lại di chúc. Về con chung giữa bà Ch – ông L, nguồn gốc diện tích đất, Giấy chứng nhận được cấp, việc bà Ch - ông L đã tặng cho lại các con, chuyển nhượng một phần của tổng diện tích đất 9.168,4 m^2 cho người khác và hiện nay diện tích đất ông L - bà Ch còn lại theo phần trình bày của bà Ch là đúng.

Nay bà Phạm Thị Ch yêu cầu chia di sản thừa kế vì lý do ông L đã chết và không để lại di chúc thì ông đề nghị Tòa án tiến hành chia thừa kế đối với tất cả những tài sản mà ông Trương Văn L khi chết để lại, trong đó có tài sản nhà và đất theo như đơn khởi kiện của bà Ch. Tuy nhiên, theo như ông được biết, ngoài tài sản nhà và đất nêu trên, trước khi chết, ông L còn để lại tài sản là một khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh L; ông không biết chính xác số tiền là bao nhiêu và không cung cấp được chứng cứ liên quan đến số tiền này. Ông yêu cầu bà Ch phải cung cấp những chứng cứ liên quan đến số tiền gửi này vì đây là nghĩa vụ của bà Ch, ông không có nghĩa vụ phải cung cấp các thông tin trên. Ông không làm đơn yêu cầu khởi kiện độc lập hay yêu cầu phản tố vì đây không phải là nghĩa vụ của ông, bà Ch yêu cầu thì bà Ch phải có nghĩa vụ yêu cầu chia tất cả các tài sản ông L để lại.

Đối với Chứng thư Thẩm định giá do Công ty Cổ phần Thẩm định giá Đồng Nai ban hành số: 2457/TĐG ngày 14/10/2016, Tòa án đã công bố và ông không đồng ý với kết quả thẩm định giá, với lý do:

+ Tại buổi làm việc về thẩm định giá, ông không xác định được đại diện của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Đồng Nai. Nhân viên của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Đồng Nai không cung cấp cho ông thẻ nhân viên để chứng minh đó có phải là người của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Đồng Nai hay không;

+ Mặt khác, giá trị tài sản trong Chứng thư Thẩm định giá không chính xác so với giá trị thực tế. Ông yêu cầu Tòa án phải tiến hành thẩm định giá lại tài sản này và phải cử đúng đại diện Công ty Cổ phần Thẩm định giá Đồng Nai tham gia thẩm định giá.

+ Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu ông làm đơn đề nghị Thẩm định giá lại tài sản và đóng tạm ứng chi phí thẩm định giá ông không đồng ý vì ông không có nghĩa vụ phải thực hiện những việc này.

Đối với bản đồ hiện trạng thửa đất do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh huyện L thực hiện và ban hành số: 10437/2016, 10438/2016 và 10439/2016 cùng ngày 16/9/2016, Tòa án đã công bố, ông không đồng ý và ông yêu cầu đo lại toàn bộ diện tích đất, bởi vì: Tại buổi đo đạc, không có đại diện của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Đồng Nai theo như trình bày nêu trên của ông. Việc đo đạc lại này là nghĩa vụ của nguyên đơn và Tòa án, không phải nghĩa vụ của ông nên ông sẽ không làm đơn yêu cầu đo đạc lại; đồng thời, ông cũng không phải đóng tạm ứng chi phí đo đạc và thẩm định giá.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ch muốn nhận toàn bộ các phần thừa kế, ông có ký kiến như sau:

+ Ông sẽ đồng ý giao kỷ phần thừa kế của ông cho bà Ch; bà Ch phải thanh toán lại giá trị kỷ phần của ông là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

+ Trường hợp bà Ch không đồng ý thanh toán cho ông số tiền trên, ông yêu cầu nhận kỷ phần của ông là hiện vật, không đồng ý nhận giá trị.

+ Nếu bà Ch không đồng ý thanh toán cho ông số tiền ông yêu cầu, ông đề nghị nhận toàn bộ tài sản và thanh toán lại giá trị cho các kỷ phần thừa kế khác.

Ngoài ra, số tài sản di sản thừa kế do cha ông để lại chưa chia thừa kế; do đó, ông cũng có một phần quyền lợi trong này, nếu ai tự ý vào nhà cha của ông

thì ông có quyền can thiệp và không cho ở trong nhà này.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trương Thị L, bà Trương Ngọc H, bà Trương Kim N, bà Trương Thị Cẩm H, bà Trương Thị Lan X, bà Trương Thị Ánh N, ông Trương Hữu T, ông Trương Phước Thành T, bà Trương Thị T và bà Trương Thị Cẩm L thông qua người đại diện là bà Trương Thị Cẩm L trình bày quan điểm đối với vụ án như sau:

Về quan hệ gia đình, những người được hưởng thừa kế của ông Trương Văn L, nguồn gốc di sản thừa kế và phần còn lại hiện nay đang khởi kiện đúng như nguyên đơn và bị đơn đã trình bày.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ch, đây là tài sản chung của vợ chồng bà Ch – ông L. Phần diện tích đất còn lại là 2.241,35m^2 sẽ được chia theo quy định của pháp luật về thừa kế. Bà và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan do bà làm đại diện theo ủy quyền yêu cầu được nhận giá trị tài sản, không nhận hiện vật, để lại cho mẹ bà diện tích đất cũng như căn nhà để mẹ bà sinh sống. Mặt khác, nếu chia di sản bằng hiện vật thì tài sản sẽ bị cắt nhỏ thành nhiều phần không đủ diện tích đất theo quy định của pháp luật để tách thửa. Đối với ý kiến của ông Trương Tài P về việc chia thừa kế khoản tiền gửi trong ngân hàng thì bà và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì vì đây là ý kiến riêng của ông P. Tuy nhiên, theo bà biết, bà Ch hoặc ông L không có khoản tiền gửi nào trong ngân hàng.

Đối với Chứng thư Thẩm định giá và các bản đồ hiện trạng thửa đất trong hồ sơ vụ án đã được Tòa án đã công bố, bà và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nêu trên đồng ý và không có ý kiến gì.

3.2. Ông Trương Hữu P trình bày:

Về quan hệ gia đình, những người được hưởng thừa kế của ông Trương Văn L, nguồn gốc di sản thừa kế và phần còn lại hiện nay đang khởi kiện đúng như nguyên đơn và bị đơn đã trình bày.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ch thì ông không có ý kiến gì và ông xin được từ chối nhận di sản thừa kế theo quy định của pháp luật, ông cũng đề nghị xin vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải cũng như xét xử.

4. Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2017/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L:

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 149 và Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân

sự năm 2015; Điều 274, Điều 280, Điều 357, Điều 612, Điều 620, Điều 650, Điều 651 và Điều 660 của Bộ luật Dân sự 2015; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ch đối với ông Trương Tài P về việc "Tranh chấp di sản thừa kế".

- Chia di sản thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng diện tích đất 2.241,35m^2 nằm trong tổng diện tích 4.482,7m^2 và một phần căn nhà cấp 4 là di sản thừa kế do ông Trương Văn L chết để lại không có di chúc.

- Giao cho bà Phạm Thị Ch quản lý và sử dụng diện tích đất 2.241,35m^2 trong tổng diện tích 4.482,7m^2 là di sản thừa kế của ông Trương Văn L không để lại di chúc theo các bản đồ hiện trạng thửa đất của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh L và 01 (một) căn nhà cấp 4.

- Bà Ch phải thanh toán lại giá trị di sản thừa kế cho các đồng thừa kế, cụ thể mỗi người là: 44.708.333 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chịu lãi do chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

5. Ngày 19 tháng 01 năm 2017, ông Trương Tài P nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm nêu trên, cụ thể:

- Ông P cho rằng bản án sơ thẩm đã đánh giá không đúng sự thật khách quan, việc định giá tài sản không đúng gây thiệt hại cho cá nhân liên quan;

- Đề nghị định giá lại số tài sản phân chia thừa kế và kỷ phần thừa kế được chia theo phần đất được hưởng không quy ra giá trị bằng tiền;

- Tại phiên tòa phúc thẩm, ông P vẫn giữ nguyên kháng cáo.

6. Phần phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng được tống đạt đầy đủ và hợp lệ. Phiên tòa phúc thẩm được thực hiện dân chủ, bình đẳng, vô tư và khách quan. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, chấp hành tốt pháp luật.

Về nội dung: Bản án dân sự sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đầy đủ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa sơ thẩm. Việc cấp sơ thẩm

chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Ch là có căn cứ; tuy nhiên, đối với thửa đất số 24b không nằm trong Giấy chứng nhận đã cấp cho ông Trương Văn L nhưng cấp sơ thẩm lại xác định tài sản thừa kế là không đúng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Trương Tài P, sửa một phần bản án sơ thẩm như đã phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tố tụng

- Đơn kháng cáo của bị đơn ông Trương Tài P được làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện, tư cách tham gia tố tụng, thu thập và công khai chứng cứ, hòa giải và các thủ tục tố tụng khác được Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Võ Tuấn N đề nghị được rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với thửa đất số 24b, thể hiện tại Bản đồ hiện trạng thửa đất số: 10437/2016 ngày 16/9/2016 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh L. Tuy nhiên, việc rút yêu cầu này không được bị đơn ông Trương Tài P đồng ý; do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 299 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ gia đình, những người được hưởng thừa kế của ông Trương Văn L, nguồn gốc di sản thừa kế được cấp sơ thẩm xác định đúng và đầy đủ; cụ thể: Ông Trương Văn L và bà Phạm Thị Ch là vợ chồng, có 12 người con chung; quá trình chung sống tạo lập được 9.168,4m^2 đất; hiện nay, còn lại theo Giấy chứng nhận đã cấp cho ông Trương Văn L là 4.845m^2 (cập nhật thay đổi ngày 22/01/2009) và 01 căn nhà cấp 4. Tài sản này các đồng thừa kế đều thống nhất, kể cả ông Trương Tài P. Đây là tài sản chung của vợ chồng ông Trương Văn L và bà Phạm Thị Ch.

- Năm 2014, ông Trương Văn L chết không để lại di chúc, di sản thừa kế

của ông L được xác định là ½ phần diện tích đất nêu trên và tài sản trên đất là ½ của căn nhà cấp 4. Ông Trương Hữu P có văn bản từ chối nhận di sản thừa kế. Bà Phạm Thị Ch hiện đang sinh sống tại căn nhà cấp 4 nêu trên, không còn nơi ở nào khác và bà Ch cũng có ½ quyền sở hữu căn nhà này; diện tích đất khi chia đều cho các đồng thừa kế thì không đủ điều kiện để tách thửa theo quy định tại Quyết định số: 25/2016/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Cấp sơ thẩm tiến hành chia tài sản thừa kế theo pháp luật; giao toàn bộ tài sản thừa kế của ông Trương Văn L để lại cho bà Ch; đồng thời, bà Ch phải thanh toán lại giá trị cho các đồng thừa kế còn lại là có căn cứ và phù hợp.

- Tại cấp sơ thẩm, bị đơn ông Trương Tài P cho rằng ngoài di sản là đất nêu trên, ông Trương Văn L còn một sổ tiết kiệm 810.000.000 đồng gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện L nhưng không cung cấp chứng cứ gì chứng minh số tiền này. Tòa án sơ thẩm đã xác minh, ngân hàng nêu trên xác định hiện nay không có khoản tiền gửi nào của ông Trương Văn L - bà Phạm Thị Ch (các bút lục số 130 và 131). Vì vậy, không có cơ sở để xác định di sản thừa kế đối với khoản tiền 810.000.000 đồng (tám trăm mười triệu đồng).

- Về nội dung kháng cáo:

Tại đơn kháng cáo, ông Trương Tài P yêu cầu định giá lại tài sản thừa kế và chia tài sản thừa kế bằng hiện vật, xét thấy:

+ Về định giá tài sản: Tại Biên bản làm việc ngày 10/8/2016 của Tòa án cấp sơ thẩm, ông Trương Tài P đồng ý để Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh L tiến hành đo đạc hiện trạng; và đồng ý để Công ty Cổ phần Thẩm định giá Đồng Nai thẩm định giá tài sản thừa kế (các bút lục số 54 và 55). Tại Biên bản hòa giải ngày 09/11/2016, ông P không đồng ý với kết quả đo đạc và thẩm định giá; tuy nhiên, ông không làm đơn đo đạc, định giá lại và không nộp chi phí đo đạc, định giá vì ông cho rằng đó là nghĩa vụ của nguyên đơn và Tòa án (bút lục số 114). Như vậy, thủ tục đo đạc và thẩm định giá được Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã giải thích các quy định của pháp luật; tuy nhiên, ông P trình bày mặc dù trong đơn kháng cáo ông có đề nghị định giá lại tài sản nhưng ông không đồng ý làm đơn yêu cầu đo đạc và định giá lại tài sản; cũng không đồng ý đóng tiền tạm ứng chi phí định giá. Bản thân ông P có quyền yêu cầu đo đạc, định giá lại nhưng ông không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nên không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo này.

+ Về chia tài sản thừa kế bằng hiện vật: Ông P yêu cầu nhận thừa kế là hiện vật, không nhận giá trị. Tuy nhiên, như đã nhận định ở trên, do diện tích đất tranh chấp đất có vị trí ở nhiều thửa đất và tờ bản đồ khác nhau; khi chia đều cho các đồng thừa kế thì không đủ điều kiện để tách thửa theo quy định hiện hành; do đó, phần kháng cáo này của ông P cũng không có cơ sở chấp nhận.

- Về quyết định của cấp sơ thẩm:

+ Hồ sơ vụ án thể hiện diện tích đất theo Giấy chứng nhận đã cấp cho ông Trương Văn L là 4.845m^2 (cập nhật thay đổi ngày 22/01/2009). Vào năm 2009, bà Phạm Thị Ch – ông Trương Văn L đã cho 02 con gái là Trương Thị Cẩm L và Trương Thị Cẩm H cất nhà ở, tổng diện tích nhà ở là 350m^2 trong diện tích 4.845m^2 đất nêu trên; do chưa đủ điều kiện nên chưa tách thửa và đăng bộ sang tên, chỉ lập hợp đồng ủy quyền được Ủy ban nhân dân thị trấn L chứng thực ngày 09/3/2009.

+ Qua đo đạc kiểm tra hiện trạng đất thì diện tích đất thực tế là 4.482,7m^2; trong đó, có 80,6m^2 thuộc thửa 24b và 34,4m^2 thuộc thửa 270b (có một phần căn nhà cấp 4 bà Ch đang sử dụng) không thuộc quyền sử dụng đất được cấp cho ông Trương Văn L (bút lục số 95 và 96); cấp sơ thẩm lại công nhận các phần đất này của bà Phạm Thị Ch – ông Trương Văn L là không đúng. Do đó, xác định lại phần đất được chia thừa kế có diện tích là (4.482,7 – (80,6m^2 + 34,4m^2) : 2 = 2.183,85m^2. Nguyên đơn bà Phạm Thị Ch yêu cầu chia di sản thừa kế luôn phần thửa 24b và 270b là không có cơ sở.

+ Giá trị tài sản thừa kế cũng phải được tính lại cho phù hợp. Theo Chứng thư Thẩm định giá, giá trị quyền sử dụng đất của thửa 24b là 12.090.000 đồng và thửa 270b là 5.848.000 đồng (bút lục số 87). Tổng giá trị tài sản là 1.073.000.000 đồng – (12.090.000 đồng + 5.848.000 đồng) = 1.055.062.000 đồng; trong đó, phần của bà Ch là 1.055.062.000 : 2 = 527.531.000 đồng; phần còn lại chia đều cho 12 kỷ phần thừa kế, cụ thể mỗi phần: 527.531.000 đồng : 12 = 43.960.916 đồng.

Từ những nhận định trên, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trương Tài P, sửa một phần bản án sơ thẩm. Đối với thửa thửa 24b và 270b nêu trên, bà Phạm Thị Ch có thể liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chủ sử dụng đất liền kề để được đăng ký, kê khai và điều chỉnh cho phù hợp với thực tế sử dụng; trường hợp có tranh chấp, có thể khởi kiện bằng vụ án dân sự khác nếu đủ điều kiện khởi kiện.

[3] Về áp dụng pháp luật

Thời điểm mở thừa kế là thời điểm ông Trương Văn L chết (ngày 10/4/2014). Cấp sơ thẩm áp dụng pháp luật về nội dung của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết là không đúng với quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 688 của Bộ luật này. Do đó, sửa án sơ thẩm về phần này và áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[4] Các chi phí tố tụng: Bà Phạm Thị Ch đã tự nguyện nộp xong tại cấp sơ thẩm. Phần này không có kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét.

[5] Án phí: Căn cứ Khoản 2, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Căn cứ Điều 12 của Nghị quyết số: 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án; bà Phạm Thị Ch không phải chịu án phí đối với các thửa đất 24b và 270b yêu cầu chia thừa kế không được Tòa án chấp nhận.

+ Bà Phạm Thị Ch, sinh năm: 1933; áp dụng Điều 2 của Luật Người cao tuổi; áp dụng Điểm đ, Khoản 1, Điều 12 và Khoản 1, Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; miễn án phí cho bà Ch. Cấp sơ thẩm buộc bà Ch phải chịu án phí là không đúng; do đó, sửa bản án sơ thẩm về phần này.

+ Do phần chia thừa kế của bản án sơ thẩm bị sửa như đã nêu tại mục [2], án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại, cụ thể: Mỗi người được chia thừa kế (trừ bà Ch) phải nộp: 43.960.916 đồng x 5% = 2.198.000 đồng (làm tròn).

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Trương Tài P kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2, Điều 308; Điều 309, Điều 313 và Khoản 2, Điều 148

của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Điều 632; Khoản 1, Điều 633; Điều 674; Điểm a, Khoản 1, Điều 675; Điều 676 và Điều 685 của Bộ luật Dân sự năm 2005; áp dụng các Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 2 của Luật Người cao tuổi, Pháp lệnh số: 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án và Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Trương Tài P;

Sửa một phần bản án sơ thẩm về: Nội dung, áp dụng pháp luật và án phí.

1. Về nội dung:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ch về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản"; chia di sản thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng diện tích đất 2.183,85m^2 trong tổng diện tích 4.367,6m^2 và ½ căn nhà cấp 4 là di sản thừa kế do ông Trương Văn L chết để lại không có di chúc.

1.1. Công nhận và giao cho bà Phạm Thị Ch quản lý và sử dụng diện tích đất 2.183,85m^2 trong tổng diện tích 4.367,6m^2 thể hiện sau đây trên 03 (ba) Bản đồ hiện trạng thửa đất ban hành cùng ngày 16/9/2016 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh L (được phát hành kèm theo bản án này):

- Các thửa đất số: 144b, 145b, 130b, 129b, 127b và 126b, thể hiện tại Bản đồ hiện trạng thửa đất số: 10437/2016;

- Thửa đất số: 122b, thể hiện tại Bản đồ hiện trạng thửa đất số: 10438/2016;

- Các thửa đất số: 170b, 171 và 177, thể hiện tại Bản đồ hiện trạng thửa đất số: 10439/2016;

- Bà Phạm Thị Ch có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để thực hiện các quy định về đất đai theo quyết định của bản án này. Đồng thời, phải chấp hành kế hoạch và quy hoạch sử dụng đất của nhà nước.

1.2. Công nhận cho bà Phạm Thị Ch được quyền sở hữu một phần căn nhà cấp 4, ký hiệu g1, diện tích 108,4m^2 thuộc thửa đất số 122b, thể hiện tại Bản đồ

hiện trạng thửa đất số: 10438/2016 nêu trên.

1.3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ch về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản" đối với:

- Thửa đất số: 24b, thể hiện tại Bản đồ hiện trạng thửa đất số: 10437/2016;

- Thửa đất số: 270b, thể hiện tại Bản đồ hiện trạng thửa đất số: 10438/2016.

1.4. Bà Phạm Thị Ch phải thanh toán lại giá trị tài sản thừa kế cho các đồng thừa kế, cụ thể phải thanh toán cho 11 (mười một) người, mỗi người là: 43.960.916 đồng (bốn mươi ba triệu chín trăm sáu mươi nghìn chín trăm mười sáu đồng), bao gồm các ông, bà có tên sau đây: Trương Thị L, Trương Ngọc H, Trương Kim N, Trương Thị Cẩm H, Trương Thị Lan X, Trương Thị Ánh N, Trương Hữu T, Trương Phước Thành T, Trương Thị T, Trương Thị Cẩm L và Trương Tài P.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại Khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

2. Về án phí:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị Ch được miễn; trả lại cho bà Ch 3.365.000 đồng (ba triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số: 004730 ngày 16/6/2016 của Chi cục Thi hành dân sự huyện L.

- Mỗi người được chia thừa kế (trừ bà Phạm Thị Ch) phải nộp án phí là: 2.198.000 đồng (hai triệu một trăm chín mươi tám nghìn đồng), bao gồm các ông, bà có tên sau đây: Trương Thị L, Trương Ngọc H, Trương Kim N, Trương Thị Cẩm H, Trương Thị Lan X, Trương Thị Ánh N, Trương Hữu T, Trương Phước Thành T, Trương Thị T, Trương Thị Cẩm L và Trương Tài P.

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Trương Tài P kháng cáo không phải chịu. Số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm ông P đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số: 009530 ngày 14/02/2017 của Chi cục Thi hành dân sự huyện L được trừ vào án phí dân sự sơ thẩm ông P phải chịu được nêu tại mục 2.1 phần quyết định của bản án này.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân huyện L (2);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện L;
- Các đương sự (13);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Văn Thành